

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT THÁNG 3/2026

**Thương mại Việt Nam - Thái Lan 2 tháng đầu năm 2026: Đà tăng trưởng bút
phá từ nhóm hàng công nghệ**

Thuộc nhiệm vụ:

**Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển
xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế
trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại.**

Hà Nội, 2026

Thương mại Việt Nam – Thái Lan 2 tháng năm 2026: Đà tăng trưởng bứt phá từ nhóm hàng công nghệ

Thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan trong tháng 2 và hai tháng đầu năm 2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Mặc dù mức nhập siêu của Việt Nam đã thu hẹp trong ngắn hạn và có xu hướng cải thiện so với cùng kỳ năm trước, cán cân thương mại vẫn nghiêng về phía Thái Lan do sự phụ thuộc vào các nhóm hàng công nghệ và nguyên liệu sản xuất.

Theo tính toán từ số liệu của Cục Hải quan, Trong tháng 2/2026, Việt Nam nhập siêu từ Thái Lan 198,32 triệu USD, giảm mạnh 42,78% so với tháng trước và giảm tới 63,87% so với cùng kỳ năm 2025. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy áp lực nhập siêu trong ngắn hạn đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, xét lũy kế hai tháng đầu năm, cán cân thương mại vẫn ghi nhận mức nhập siêu lên tới 562,36 triệu USD, dù đã giảm 19,61% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy xu hướng cải thiện là rõ ràng nhưng chưa đủ để đảo chiều trạng thái thâm hụt.

Nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu xuất phát từ cơ cấu hàng hóa mang tính bổ trợ nhưng chưa cân xứng giữa hai nền kinh tế. Việt Nam vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung từ Thái Lan đối với các mặt hàng có hàm lượng công nghệ và giá trị cao như máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử, ô tô, xăng dầu và nhiều loại nguyên liệu đầu vào cho sản xuất. Trong khi đó, trị giá xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này dù tăng trưởng nhanh nhưng quy mô vẫn còn chưa đủ bù đắp cho kim ngạch nhập khẩu.

Ở chiều xuất khẩu, vị thế của Thái Lan trong cơ cấu thị trường xuất khẩu của Việt Nam tuy chưa thuộc nhóm dẫn đầu nhưng đang có sự cải thiện rõ rệt. Trong tháng 2/2026, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan đạt 793,04 triệu USD, giảm nhẹ 2,83% so với tháng trước, nhưng tăng 31,44% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế hai tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 1,61 tỷ USD, tăng 32,01% so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy đà tăng trưởng tích cực và ổn định. Tuy nhiên, về tỷ trọng, kim ngạch xuất khẩu sang Thái Lan mới chỉ chiếm khoảng 2,11% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, dù đã

cải thiện so với mức 1,9% của cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với các thị trường chủ lực như Trung Quốc hay Hoa Kỳ.

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu sang Thái Lan cũng cho thấy sự chuyển dịch rõ nét theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ và công nghiệp chế biến. Dẫn đầu là nhóm “máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện” với kim ngạch đạt 280,73 triệu USD trong tháng 2, tăng mạnh 114,55% so với tháng trước và tới 173,39% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế hai tháng, xuất khẩu nhóm này đạt 411,58 triệu USD, chiếm tới 25,58% tổng kim ngạch xuất khẩu sang Thái Lan. Tiếp theo là xuất khẩu các nhóm hàng công nghiệp truyền thống giữ vai trò quan trọng như máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng (206,97 triệu USD, chiếm 12,87%) và điện thoại các loại và linh kiện (190,27 triệu USD, chiếm 11,83%).

Ở chiều nhập khẩu, Thái Lan tiếp tục là một trong những đối tác cung ứng quan trọng của Việt Nam, dù chưa thuộc nhóm dẫn đầu. Trong tháng 2/2026, kim ngạch nhập khẩu từ Thái Lan đạt 991,35 triệu USD, giảm 14,74% so với tháng trước và giảm 13,96% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế hai tháng đầu năm, kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 2,17 tỷ USD, tăng 13,19% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 2,74% tổng nhập khẩu của Việt Nam. Với quy mô này, Thái Lan đứng thứ 7 trong số các thị trường cung cấp hàng hóa lớn nhất cho Việt Nam, sau các đối tác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU. Khoảng cách giữa Thái Lan và nhóm dẫn đầu là khá lớn khi riêng Trung Quốc chiếm tới hơn 40% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong khi Hàn Quốc và thị trường Đài Loan cũng duy trì tỷ trọng cao.

Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu từ Thái Lan cho thấy sự tập trung vào nhóm hàng công nghệ và nguyên liệu phục vụ sản xuất. Dẫn đầu là nhóm “máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện” với 373,58 triệu USD trong hai tháng, chiếm 17,21%, tăng 33,72% so với cùng kỳ năm 2025. Tiếp theo là nhập khẩu nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng với 176,80 triệu USD (chiếm 8,14%), cho thấy nhu cầu ổn định của khu vực sản xuất trong nước. Đáng chú ý, mặt hàng ô tô nguyên chiếc đạt 160,19 triệu USD, chiếm 7,38%, dù biến động theo tháng nhưng vẫn giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu nhập khẩu. Ngoài ra, nhập khẩu

các nhóm như xăng dầu, kim loại, hóa chất và nguyên liệu nhựa cũng đóng góp đáng kể, phản ánh mối quan hệ mang tính hỗ trợ giữa hai nền kinh tế.

Thương mại Việt Nam - Thái Lan trong giai đoạn này vừa thể hiện xu hướng tăng trưởng tích cực, vừa đặt ra yêu cầu điều chỉnh để hướng tới cân bằng hơn. Triển vọng trong thời gian tới được đánh giá là khả quan khi cả hai quốc gia đều là những nền kinh tế năng động trong ASEAN và đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sự phát triển của chuỗi cung ứng khu vực, đặc biệt trong các ngành điện tử, ô tô và công nghiệp chế biến, sẽ tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy thương mại song phương. Bên cạnh đó, các lĩnh vực mới như thương mại số, logistics và kinh tế xanh cũng mở ra dư địa hợp tác lớn.

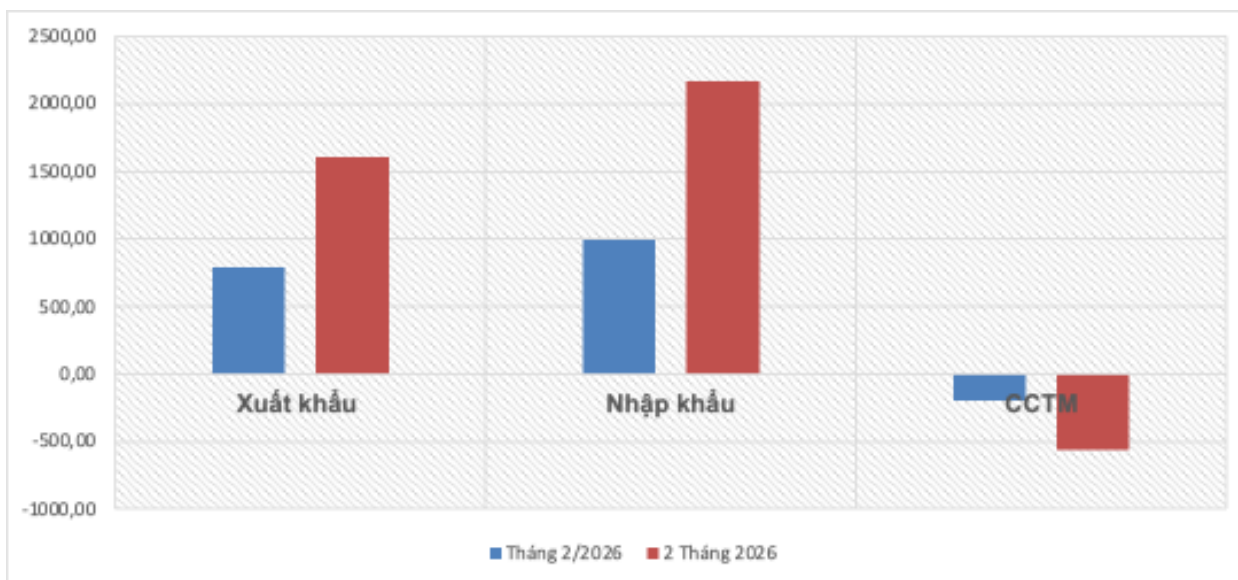
Nội dung chi tiết:

Tổng quan về quan hệ thương mại Việt Nam – Thái Lan

Cán cân thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan trong tháng 2 và hai tháng đầu năm 2026 tiếp tục nghiêng về phía Thái Lan. Có thể thấy rằng, trạng thái nhập siêu kéo dài nhưng đang có những biến động đáng chú ý. Cụ thể, trong tháng 2/2026, Việt Nam nhập siêu từ Thái Lan 198,32 triệu USD, giảm mạnh 42,78% so với tháng 1/2026 và giảm tới 63,87% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, lũy kế hai tháng đầu năm, cán cân thương mại vẫn ghi nhận mức nhập siêu khá lớn, lên tới 562,36 triệu USD, dù đã giảm 19,61% so với cùng kỳ năm 2025. Có thể thấy rằng xu hướng cải thiện là có, nhưng chưa đủ để đảo chiều trạng thái thâm hụt thương mại. Nguyên nhân chủ yếu đến từ cơ cấu hàng hóa mang tính bổ trợ nhưng chưa cân xứng: Việt Nam vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung từ Thái Lan đối với các mặt hàng máy móc, linh kiện, ô tô, xăng dầu và nguyên liệu sản xuất, trong khi trị giá xuất khẩu sang thị trường này chưa đủ lớn để bù đắp.

Biểu đồ 1: Tình hình thương mại giữa Việt Nam - Thái Lan trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2026 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

**Bảng 1: Cán cân thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan trong tháng 2
và 2 tháng đầu năm 2026**

	Tháng 2/2026 (Triệu USD)	So với tháng 1/2026 (%)	So với tháng 2/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 2 tháng năm 2025 (%)
Cán cân thương mại	-198,32	-42,78	-63,87	-562,36	-19,61

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

- Đối với xuất khẩu

Vị thế của Thái Lan trong cơ cấu thị trường xuất khẩu của Việt Nam tuy chưa thuộc nhóm dẫn đầu nhưng đang có xu hướng cải thiện. Trong tháng 2/2026, kim ngạch xuất khẩu sang Thái Lan đạt 793,04 triệu USD, giảm nhẹ 2,83% so với tháng trước, nhưng tăng mạnh tới 31,44% so với cùng kỳ năm 2025, mức tăng trưởng khá cao so với các thị trường khác.

Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu sang Thái Lan đạt 1,61 tỷ USD, tăng 32,01% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng thuộc nhóm cao. Tuy nhiên, về tỷ trọng, Thái Lan chỉ chiếm 2,11% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, dù đã cải thiện so với mức 1,9% của cùng kỳ năm 2025 song vẫn thấp hơn đáng kể so với các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, Trung Quốc...

**Bảng 2: Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam và vị thế của Thái Lan
trong các đối tác xuất khẩu**

Thị trường	Tháng 2/2026 (Triệu USD)	So với tháng 1/2026 (%)	So với tháng 2/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 2 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
Tổng	33.090,03	-23,38	6,37	76.392,79	18,87	100	100
Hoa Kỳ	9.943,63	-28,45	9,66	23.842,09	21,89	31,21	30,44
Trung Quốc	4.704,84	-25,58	11,04	11.026,80	39,96	14,43	12,26
EU27	4.092,73	-24,86	0,79	9.539,93	8,66	12,49	13,66
Hàn Quốc	2.456,24	-7,76	13,56	5.119,05	17,17	6,70	6,80

Thị trường	Tháng 2/2026 (Triệu USD)	So với tháng 1/2026 (%)	So với tháng 2/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 2 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
Nhật Bản	1.922,22	-24,03	-4,48	4.452,95	7,03	5,83	6,47
Hồng Kông (Trung Quốc)	1.087,42	-19,17	-0,83	2.432,76	23,96	3,18	3,05
Hà Lan	921,81	-30,12	1,09	2.240,99	14,35	2,93	3,05
Ấn Độ	850,12	-14,55	27,87	1.845,56	22,9	2,42	2,34
Đức	732,89	-27,54	3,47	1.744,38	11,06	2,28	2,44
Thái Lan	793,04	-2,83	31,44	1.608,68	32,01	2,11	1,90
Anh	605,63	-22,5	11,73	1.387,14	10,47	1,82	1,95
Mexico	506,15	-26,65	10,07	1.196,23	28,57	1,57	1,45
Canada	559,89	-10,57	20,14	1.186,07	23,02	1,55	1,50
Australia	546,40	-5,73	21,98	1.124,55	10,44	1,47	1,58
Các TVQ Ả Rập Thống Nhất	404,87	-30,3	-11,84	985,72	7,35	1,29	1,43
Đài Loan (TQ)	432,87	-19,02	-9,06	967,44	5,9	1,27	1,42
Malaysia	412,90	-23,4	-1,34	952,12	26,64	1,25	1,17
Singapore	334,65	-41,5	-24,36	905,96	8,91	1,19	1,29
Indonesia	406,53	-16,97	-21,09	895,83	-5,88	1,17	1,48
Campuchia	368,54	-29,46	-8,52	890,64	7,04	1,17	1,29
Philippines	434,41	-2,59	-1,86	880,74	3,68	1,15	1,32
Italy	388,78	-6,59	-8,74	805,52	-5,11	1,05	1,32
Tây Ban Nha	311,01	-25,71	-2,87	729,63	4,22	0,96	1,09
Pháp	288,19	-30,38	7,35	702,15	11,66	0,92	0,98
Ba Lan	254,55	-30,07	-3,01	618,53	22,09	0,81	0,79
Bỉ	213,15	-34,63	-6,62	539,11	14,06	0,71	0,74
Áo	239,40	-14,47	6,03	519,30	-6,24	0,68	0,86

Nguồn: Tính toán từ số liệu Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là nhóm hàng Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang Thái Lan, với kim ngạch đạt 280,73 triệu USD trong tháng 2, tăng vọt 114,55% so với tháng trước và tăng 173,39% so với cùng kỳ năm 2025; Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu nhóm này sang Thái Lan đạt 411,58 triệu USD, chiếm 25,58% tổng kim ngạch.

Tiếp theo là xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp truyền thống giữ vai trò quan trọng như: Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng (đạt 206,97 triệu USD trong 2 tháng, chiếm 12,87% tỷ trọng) và Điện thoại các loại và linh kiện (đạt 190,27 triệu USD, chiếm 11,83% tỷ trọng).

Xuất khẩu các mặt hàng như phương tiện vận tải và phụ tùng, hàng hóa khác hay thủy sản duy trì tỷ trọng đáng kể, nhưng tăng trưởng có sự phân hóa rõ rệt. Trong khi xuất khẩu thủy sản tăng 26,84% trong 2 tháng, phương tiện vận tải chỉ tăng nhẹ 4,19% và thậm chí giảm trong tháng 2, cho thấy xuất khẩu chưa thực sự ổn định. Ngược lại, xuất khẩu một số mặt hàng ghi nhận tín hiệu tích cực như: sắt thép các loại (tăng 43,7%), cà phê (tăng 39,36%), sản phẩm từ sắt thép (tăng tới 88,92%)...

Ngược lại, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản và công nghiệp nhẹ lại suy giảm cả về quy mô lẫn tỷ trọng: Xuất khẩu dầu thô giảm 19,67% trong 2 tháng, xuất khẩu hóa chất, cao su, chất dẻo hay xơ sợi đều ghi nhận mức giảm sâu.

Bảng 3: Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Thái Lan trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2026

Mặt hàng	Tháng 2/2026 (Triệu USD)	So với tháng 1/2026 (%)	So với tháng 2/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 2 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
Tổng xuất khẩu	793,04	-2,83	31,44	1608,68	32,01	100	100
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	280,73	114,55	173,39	411,58	151,91	25,58	13,41
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	83,15	-32,85	4,23	206,97	22,23	12,87	13,90
Điện thoại các loại và linh kiện	101,18	13,59	163,75	190,27	38,5	11,83	11,27
Phương tiện vận tải và phụ tùng	46,32	-20,95	-6,39	104,92	4,19	6,52	8,26

Mặt hàng	Tháng 2/2026 (Triệu USD)	So với tháng 1/2026 (%)	So với tháng 2/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 2 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
Hàng thủy sản	20,03	-45,17	10,69	56,55	26,84	3,52	3,66
Hàng dệt, may	16,89	-55,58	-29,81	54,91	2,28	3,41	4,41
Sắt thép các loại	11,73	-69,78	-52,87	50,54	43,7	3,14	2,89
Cà phê	23,91	-3,04	-1,05	48,57	39,36	3,02	2,86
Dầu thô	21,89	15,57	-11,62	40,28	-19,67	2,50	4,12
Sản phẩm từ sắt thép	15,67	-22,95	75,18	36,00	88,92	2,24	1,56
Xăng dầu các loại	15,28	9,89		29,11	81677,58	1,81	0,00
Giấy và các sản phẩm từ giấy	11,43	-23,88	-19,21	26,44	7,82	1,64	2,01
Kim loại thường khác và sản phẩm	11,46	0,91	-37,69	22,82	-31,4	1,42	2,73
Hàng rau quả	9,39	-28,24	-18,06	22,49	-28,1	1,40	2,57
Sản phẩm hóa chất	8,56	-29,57	-14,45	20,73	7,28	1,29	1,59
Giày dép các loại	7,55	-35	-17,54	19,17	-6,57	1,19	1,68
Sản phẩm từ chất dẻo	6,67	-35,27	-51,92	16,97	-37,7	1,05	2,23
Gỗ và sản phẩm gỗ	5,11	-56,13	-1,3	16,74	39,67	1,04	0,98
Dây điện và dây cáp điện	7,08	-24,3	14,96	16,44	25,58	1,02	1,07
Hạt tiêu	5,09	-42,99	8,55	14,02	103,5	0,87	0,57
Hạt điều	4,02	-55,4	117	13,04	68,9	0,81	0,63
Chất dẻo nguyên liệu	6,02	-13,01	-11,1	12,95	20,03	0,81	0,89
Hóa chất	4,84	-37,61	-55,96	12,60	-40,32	0,78	1,73
Xơ, sợi dệt các loại	3,99	-31,51	-42,56	9,81	-30,15	0,61	1,15
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	3,81	-25,35	-16,99	8,90	1,84	0,55	0,72
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	3,50	-18,87	-20,39	7,82	1,35	0,49	0,63
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	2,72	-42,12	18,66	7,41	66,96	0,46	0,36
Sản phẩm gốm, sứ	2,11	-44,01	-28,77	5,88	0,11	0,37	0,48
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	2,89	43,38	-3,51	4,91	14,32	0,31	0,35
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	1,43	-54,62	-51,55	4,58	-5,74	0,28	0,40
Sản phẩm từ cao su	1,71	-17,44	-5,85	3,78	6,05	0,23	0,29
Than các loại	2,15	196,31	3675,89	2,96	76,97	0,18	0,14

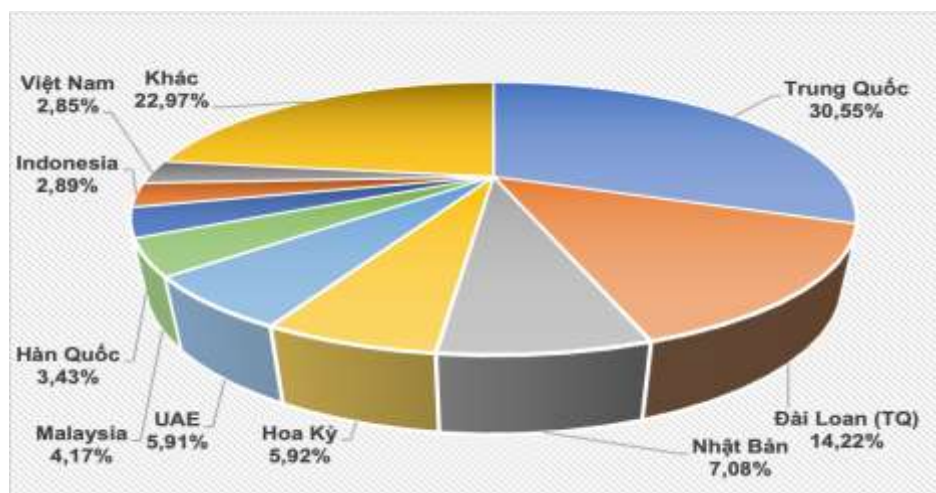
Mặt hàng	Tháng 2/2026 (Triệu USD)	So với tháng 1/2026 (%)	So với tháng 2/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 2 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	0,84	-37,72	-4,88	2,18	6,7	0,14	0,17
Phân bón các loại	0,42	-64,66	-16,09	1,63	192,27	0,10	0,05
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	0,58	23,46	1,74	1,05	-4,49	0,07	0,09
Quặng và khoáng sản khác	0,04	49,89	-67,6	0,06	-61,62	0,00	0,01
Hàng hóa khác	42,84	-29,49	-33,44	103,60	-16,07	6,44	10,13

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong tháng 1/2026, Việt Nam là nguồn cung ứng hàng hoá lớn thứ 9 cho thị trường Thái Lan, với kim ngạch nhập khẩu của thị trường này từ Việt Nam đạt 999,17 triệu USD, giảm 3,07% so với tháng trước, nhưng tăng 18,09% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 2,85% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Thái Lan.

Các nguồn cung ứng hàng hoá chủ yếu cho thị trường Thái Lan trong tháng 1/2026 gồm: Trung Quốc (chiếm tỷ trọng 30,55% trong tổng kim ngạch nhập khẩu), thị trường Đài Loan (chiếm 14,22% tỷ trọng), Nhật Bản (chiếm 7,08% tỷ trọng), Hoa Kỳ, (chiếm 5,92% tỷ trọng)...

Biểu đồ 2: Các nguồn cung ứng hàng hoá lớn cho thị trường Thái Lan trong tháng 1/2026



Nguồn: ITC

- Đối với nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong 2 tháng đầu năm 2026, dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ thị trường Thái Lan là nhóm “máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện” với 177,14 triệu USD trong tháng 2 và đạt 373,58 triệu USD sau 2 tháng, chiếm tỷ trọng cao nhất (17,21%). Mức tăng trưởng 33,72% lũy kế hai tháng cho thấy nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm công nghệ từ Thái Lan đang gia tăng mạnh.

Nhập khẩu nhóm hàng “máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác” cũng duy trì vị thế quan trọng với 176,80 triệu USD, chiếm 8,14% tỷ trọng, dù mức tăng chỉ đạt 11,1%, cho thấy nhu cầu ổn định nhưng chưa bứt phá. Tiếp theo, nhập khẩu “ô tô nguyên chiếc các loại” đạt 160,19 triệu USD trong 2 tháng, tăng 1,76% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 7,38% tỷ trọng,

Bảng 4: Nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Thái Lan trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2026

Mặt hàng	Tháng 2/2026 (Triệu USD)	So với tháng 1/2026 (%)	So với tháng 2/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 2 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
Tổng	991,35	-14,74	-13,96	2171,04	13,19	100	100
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	177,14	-7,76	21,06	373,58	33,72	17,21	14,57
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	75,75	-16,74	-20,76	176,80	11,1	8,14	8,30
Ô tô nguyên chiếc các loại	97,98	57,52	-21,53	160,19	1,76	7,38	8,21
Hàng điện gia dụng và linh kiện	79,64	-1,05	-33,7	160,17	-17,68	7,38	10,14
Kim loại thường khác	59,28	-28,39	-8,87	142,10	34,65	6,55	5,50
Linh kiện, phụ tùng ô tô	53,88	-8,3	-16,54	112,71	1,06	5,19	5,81
Xăng dầu các loại	38,61	-45,69		109,16	582,2	5,03	0,83
Chất dẻo nguyên liệu	37,74	-39,36	-27,8	100,68	8,38	4,64	4,84
Sản phẩm hóa chất	22,81	-31,24	-26,93	56,03	2,47	2,58	2,85
Hóa chất	20,33	-27,13	-47,43	48,30	-18,06	2,22	3,07
Sản phẩm từ chất dẻo	18,65	-11,39	-18,83	39,68	4,87	1,83	1,97
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	18,80	-7,72	-37,88	39,17	-22,37	1,80	2,63

Mặt hàng	Tháng 2/2026 (Triệu USD)	So với tháng 1/2026 (%)	So với tháng 2/2025 (%)	2 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 2 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						2 tháng năm 2026	2 tháng năm 2025
Cao su	15,36	-29,91	0,19	37,28	37,9	1,72	1,41
Vải các loại	15,27	-15,26	-29,22	33,30	-7,4	1,53	1,87
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	14,46	-6,07	11,7	30,26	41,17	1,39	1,12
Sản phẩm từ sắt thép	10,75	-29,44	-12,92	26,12	18,78	1,20	1,15
Dây điện và dây cáp điện	10,38	-23,78	4,99	23,99	21,64	1,11	1,03
Giấy các loại	7,85	-37,02	-43,95	20,32	-15,67	0,94	1,26
Xơ, sợi dệt các loại	8,33	-25,07	-23,81	19,44	2,23	0,90	0,99
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	8,66	9,62	44,74	17,19	78,37	0,79	0,50
Gỗ và sản phẩm gỗ	5,31	-54,96	-48,59	17,11	-5,41	0,79	0,94
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	6,03	-39,83	-44,29	16,05	-3,69	0,74	0,87
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	4,64	-58,31	-32,88	15,85	20,63	0,73	0,68
Sản phẩm từ cao su	7,74	1,37	-12,41	15,69	14,66	0,72	0,71
Sản phẩm từ kim loại thường khác	5,82	-16,18	0,4	13,02	38,42	0,60	0,49
Chế phẩm thực phẩm khác	6,47	16,52	-6,5	12,02	14,73	0,55	0,55
Sữa và sản phẩm sữa	5,17	-7,35	7,02	10,75	4,68	0,50	0,54
Dược phẩm	4,52	-26,71	-59,44	10,69	-19,34	0,49	0,69
Hàng rau quả	3,82	-43,54	30,27	10,48	100,59	0,48	0,27
Quặng và khoáng sản khác	4,83	-12,94	-49,63	10,37	-14,56	0,48	0,63
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	3,77	-41,54	-16,38	10,22	16,27	0,47	0,46
Sản phẩm từ giấy	6,01	56,2	5,49	9,85	5,15	0,45	0,49
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	4,59	2,8	26,69	9,06	36,44	0,42	0,35
Sắt thép các loại	2,36	-64,58	-53,13	9,04	18,83	0,42	0,40
Dầu mỡ động, thực vật	4,04	3,68	-51,58	7,93	-35,72	0,37	0,64
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	2,33	-50,53	-51,86	7,04	-17,75	0,32	0,45
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	3,20	85,17	-11,58	4,93	-34,07	0,23	0,39
Hàng thủy sản	1,00	-70,62	-4,9	4,42	125,1	0,20	0,10
Ngô	1,05	285,14	195,6	1,32	76,31	0,06	0,04
Phân bón các loại	0,30	-15,72	-31,08	0,76	32,11	0,03	0,03
Hàng hóa khác	116,69	-10,97	-17,45	247,99	6,52	11,42	12,14

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan, trong tháng 2/2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Thái Lan đạt 991,35 triệu USD, giảm 14,74% so với tháng trước và giảm 13,96% so với cùng kỳ năm 2025. Với quy mô này, Thái Lan đứng sau hàng loạt đối tác lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU, xếp thứ 7 trong số các thị trường cung cấp hàng hóa lớn nhất cho Việt Nam trong 2 tháng đầu năm.

Lũy kế hai tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Thái Lan đạt 2,2 tỷ USD, tăng 13,19% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 2,74% tổng nhập khẩu của Việt Nam. Mặc dù duy trì được tăng trưởng, nhưng quy mô còn khá thấp so với các đối tác chủ lực khi khoảng cách giữa Thái Lan và nhóm cung ứng lớn là tương đối rõ rệt: Trung Quốc chiếm tới hơn 40% tổng kim ngạch, trong khi Hàn Quốc và thị trường Đài Loan cũng duy trì tỷ trọng cao và tốc độ tăng trưởng mạnh, lần lượt ở mức 14,67% và 7,89%.

Thông tin về định hướng thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước trong thời gian tới.

Định hướng thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan trong thời gian tới được kỳ vọng sẽ chuyển từ mở rộng quy mô sang nâng cao chất lượng và tính bền vững. Trọng tâm hợp tác không chỉ dừng lại ở việc gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, mà còn hướng đến việc xây dựng chuỗi cung ứng khu vực mang tính bổ trợ lẫn nhau, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, điện tử, ô tô, năng lượng và nông sản giá trị cao. Hai nước có nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh kết nối, từ vị trí địa lý gần gũi, cùng là thành viên của ASEAN, đến việc cùng tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, qua đó giúp giảm rào cản thuế quan và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn.

Trong thời gian tới, một trong những định hướng quan trọng là tăng cường liên kết doanh nghiệp và thu hút đầu tư song phương, đặc biệt từ các tập đoàn lớn của Thái Lan vào lĩnh vực bán lẻ, công nghiệp chế biến và năng lượng tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt mở rộng hiện diện tại thị trường Thái Lan. Bên cạnh đó, việc thúc đẩy thương mại số, thương mại điện tử và logistics xuyên biên giới cũng sẽ đóng vai trò trong việc tối ưu hóa chi phí và nâng

cao hiệu quả giao thương. Hai nước cũng được kỳ vọng sẽ đẩy mạnh hợp tác trong phát triển hạ tầng giao thông, đặc biệt là các hành lang kinh tế Đông – Tây, nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển và tăng tính kết nối khu vực.

Ngoài ra, việc đa dạng hóa cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu, giảm phụ thuộc vào một số nhóm hàng truyền thống và hướng tới các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường sẽ là xu hướng tất yếu. Hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn cũng mở ra nhiều dư địa mới, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của cả hai quốc gia. Có thể thấy, với nền tảng quan hệ đối tác ngày càng chặt chẽ và tiềm năng hỗ trợ lớn, quan hệ thương mại Việt Nam – Thái Lan trong thời gian tới không chỉ tăng trưởng về lượng mà còn kỳ vọng bứt phá, trở thành một trong những trụ cột quan trọng của hợp tác kinh tế nội khối ASEAN.

Đánh giá triển vọng

Triển vọng phát triển thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan trong thời gian tới được đánh giá là tích cực, dựa trên nền tảng hỗ trợ lẫn nhau về cơ cấu kinh tế và sự hội nhập ngày càng sâu rộng trong khu vực. Với vai trò là hai nền kinh tế năng động hàng đầu của ASEAN, cả Việt Nam và Thái Lan đều đang thúc đẩy chiến lược chuyển dịch sang các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, từ đó tạo ra nhu cầu trao đổi lớn về máy móc, linh kiện, nguyên vật liệu và công nghệ. Sự phát triển mạnh mẽ của chuỗi cung ứng khu vực, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, ô tô và công nghiệp chế biến, sẽ tiếp tục là động lực then chốt giúp thương mại song phương duy trì đà tăng trưởng ổn định.

Không chỉ dừng lại ở thương mại hàng hóa truyền thống, dư địa hợp tác còn mở rộng sang các lĩnh vực mới như thương mại số, logistics thông minh và kinh tế xanh. Việc tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do trong khu vực sẽ giúp hai nước giảm chi phí giao dịch, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sự gia tăng đầu tư trực tiếp từ các doanh nghiệp Thái Lan vào thị trường Việt Nam trong lĩnh vực bán lẻ, năng lượng và chế biến thực phẩm cũng góp phần củng cố mối liên kết thương mại hai chiều.